

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2025
Về: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Sơn

Bà Huỳnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 281/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST ngày 30-6-2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tổ B, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tổ B, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2025 và quá trình tố tụng tại tòa bà Đặng Thị T trình bày: Bà Đặng Thị T và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 273, do UBND xã P, cấp ngày 23-12-2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại địa chỉ: Tổ B ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân: Vợ chồng không hợp nhau về tính tình thường xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp, cũng như không tìm thấy tiếng nói chung, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con Trần Thanh H1, sinh ngày 11-6-2017. Khi ly hôn bà Đặng Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập ông Trần Văn H đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng ông H nhiều lần vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị T yêu cầu ly hôn ông Trần Văn H, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H hiện đang sinh sống tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực theo quy định tại Điều 35, 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Trần Văn H vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Trần Văn H sống chung từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) nên hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp. Theo xác nhận của bà T: Sau khi cưới vợ chồng sống tự lập đến khoảng tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên tự sống ly thân đến nay. Nay bà T yêu cầu được ly hôn. Về phía ông H, mặc dù đã được Tòa án thông báo đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông H không muốn duy trì cuộc sống chung với bà T, trên thực tế thì vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Có 01 con Trần Thanh H1, sinh ngày 11-6-2017, con chung có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy từ sau khi sống ly thân cho đến nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Để bảo đảm quyền lợi của con chung và tránh làm xáo trộn của sống của con. Vì vậy giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Sau này bà T, ông H còn có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị T đối với ông Trần Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T được ly hôn ông Trần Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thanh H1, sinh ngày 11-6-2017 cho bà T nuôi dưỡng. Ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị T nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003894 ngày 20-5-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T đã nộp xong án phí.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện KS ND khu vực 13-Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 13-Tp. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc t. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. ú\ hãm. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản gây tính từ ngày nhận bản án được niêm yết công khai.